

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 6 - 2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hưng – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:
Bà Đồng Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Ch; sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: 76 H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Ông Đ; sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ: 28 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Tr - Công ty Luật X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. (luật sư có mặt tại phiên tòa)

4- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Q, sinh năm: 1991, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 28 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Bà L, sinh năm: 1970, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 1/10 M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4.3. Bà X, sinh năm: 1935, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 76 H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4.4. Bà V, sinh năm: 1964, (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 28 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là chị Ch: Chị Ch và anh Đ tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R. Thời gian chung sống vợ chồng đã có phát sinh những mâu thuẫn trong hôn nhân, nhiều lần xảy ra cãi vã và từ tháng 4/2016 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị Ch nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Đ. Về con chung vợ chồng có hai con chung là D1, sinh ngày 10/7/2004 và D2, sinh ngày 07/01/2011 thỏa thuận chị Ch nuôi dưỡng cháu D2, anh Đ nuôi dưỡng cháu D1, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ chung.

- Tại bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn là anh Đ: Anh Đ đồng ý ly hôn với chị Ch, vì những mâu thuẫn trong hôn nhân không thể hàn gắn để đoàn tụ được. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là D1, D2. Hiện cháu D1 đang sống cùng anh Đ nên anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng ý để chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng cháu D2, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận và không có nợ chung.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Q, chị L, bà X, chị V: Anh Q, chị L, bà X, chị V có đơn xin vắng mặt tại tòa và không có ý kiến gì đối với vụ việc xin ly hôn của chị Ch và anh Đ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn- chị Ch: Yêu cầu được ly hôn với anh Đ, có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung là cháu D2, đồng ý giao anh Đ nuôi cháu D1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin ly hôn chị Ch có yêu cầu chia tài sản chung nhưng do vợ chồng đã thỏa thuận được nên xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung.

- *Bị đơn- anh Đ*: Đồng ý ly hôn chị Ch, có nguyện vọng nuôi con chung là cháu D1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao chị Ch nuôi dưỡng cháu D2. Vợ chồng đã thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có nợ chung.

- *Vị luật sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến*: Giữa chị Ch và anh Đ đã thống nhất ly hôn và rút yêu cầu chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án xét thấy nguyên đơn chị Ch và bị đơn -anh Đ đã thống nhất ly hôn và nguyên đơn đã rút lại yêu cầu chia tài sản. Xét yêu cầu của đương sự phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch và đình chỉ yêu cầu chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Ch xin ly hôn với bị đơn anh Đ có địa chỉ tại phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Q, chị L, bà X, chị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ch và ông Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị được Ủy ban nhân dân phường V cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/12/2003 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét về yêu cầu xin ly hôn của chị Ch*: Chị Ch xin ly hôn với ông Đ lý do: Vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn trong hôn nhân, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của chị Ch vì hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc. Tòa án đã hòa giải hôn nhân để chị Ch, anh Đ đoàn tụ nhưng không thành, chị Ch và anh Đ vẫn thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó căn cứ Điều 55,

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin xin ly hôn của chị Ch.

[4] *Về con chung*: Chị Ch và anh Đ có hai con chung là D1, sinh ngày 11/7/2004 và D2, sinh ngày 07/01/2011. Anh chị thỏa thuận chị Ch nuôi dưỡng cháu D2, anh Đ nuôi dưỡng cháu D1. Xét việc thỏa thuận nuôi con của chị Ch, anh Đ phù hợp quy định pháp luật và Hội đồng xét xử cũng đã xem xét nguyện vọng của các cháu đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của cháu D1, D2. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu D1, cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu D2, cho chị Ch nuôi dưỡng. Chị Ch, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Ch và anh Đ không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không xem xét cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[6] *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn chị Ch yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Ch rút lại yêu cầu chia tài sản chung với lý do vợ chồng đã tự thỏa thuận được. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Ch phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1, 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[7] *Về nợ chung*: Tại phiên tòa chị Ch và anh Đ xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] *Các vấn đề khác*: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Q, chị L, bà X, chị V. Trong quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu gì đối với chị Ch, anh Đ và tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, chị Ch, anh Đ cũng không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này, nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[9] *Về án phí ly hôn*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Ch phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản do chị Ch rút lại yêu cầu. Số tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp 15.300.000 đồng khấu trừ tiền án phí xin ly hôn phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Ch được hoàn lại là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003351 ngày 28/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ch và anh Đ

2. Về con chung: Giao cháu D1, sinh ngày 11/7/2004 cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu D2, sinh ngày 07/01/2011 cho chị Ch nuôi dưỡng. Chị Ch, anh Đ không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Ch, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Ch.

4. Về nợ chung: Chị Ch, anh Đ xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí ly hôn: Chị Ch phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Số tiền tạm ứng án phí chị Ch đã nộp 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) khấu trừ tiền án phí xin ly hôn phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Như vậy, chị Ch được hoàn lại là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003351 ngày 23/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/6/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp.Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp.Rạch Giá;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy

